

## BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN VẬT LIỆU

|                |                    |
|----------------|--------------------|
| Tên thương mại | SHL SAMSOL EF 100H |
|----------------|--------------------|

### 1. SÀN PHẨM HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY

|                             |                                                                                                  |
|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên thương mại              | SHL SAMSOL EF 100H                                                                               |
| Đặc tính chung              | Hỗn hợp                                                                                          |
| Ứng dụng                    | Dầu gia công kim loại pha nước                                                                   |
| Tên và địa chỉ nhà sản xuất | SHL ASEAN CO., LTD.                                                                              |
| Địa chỉ:                    | Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1-Conac, Phường Mỹ Xuân, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, Việt Nam. |
| TEL:                        | +84(0) 2543 876 287 - Fax: +84(0) 2543 876 288                                                   |
| Tên nhà cung cấp            | SHL ASEAN CO., LTD.                                                                              |
| Phòng ban                   | Viện kỹ thuật                                                                                    |

### 2. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

#### PHÂN LOẠI NGUY HIỂM

Chất độc đa cấp tính : Loại 4  
Chất độc cấp tính khi hít phải (bụi và sương mù). Loại 4  
Kích ứng da. Loại 1.  
Kích ứng mắt. Loại 1.  
Nhạy cảm với da. Loại 1.  
Chất gây độc cho sinh sản. Loại 1B.  
Độc hại cấp tính nếu hít phải. Loại 4  
Độc tính cơ quan cụ thể (Tiếp xúc 1). Loại 1.  
Độc hại tới môi trường thủy sinh. Loại 2.

#### NHÃN

##### Hình GHS



Từ kí hiệu                      Nguy hiểm

##### Báo cáo nguy hiểm

Gây bỏng da nghiêm trọng và tổn thương tới mắt.  
Gây tổn hại mắt nghiêm trọng.  
Có thể gây phản ứng dị ứng da.  
Có thể ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc em bé chưa sinh.  
Gây hại nếu hít phải.  
Có thể gây hại tới các cơ quan nếu tiếp xúc hoặc tiếp xúc nhiều lần.

##### Biện pháp phòng ngừa

##### Ngăn ngừa

P201: Đọc kĩ hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.  
P202: Đọc hiểu các biện pháp phòng ngừa an toàn trước khi xử lý.  
P260: Tránh hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ phun của dầu.  
P264: Rửa sạch tay và cơ thể sau khi xử lý.  
P270: Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi đang sử dụng sản phẩm này.  
P271: Sử dụng trong nhà và khu vực thông thoáng  
P272: Không được phép mang quần áo làm việc bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc.  
P273: Tránh thải ra môi trường.  
P280: Mang găng tay/ quần áo/ mắt kính/ mặc nạ bảo hộ.  
P285: Sử dụng thiết bị bảo vệ cá nhân theo yêu cầu.

##### Biện pháp đối phó

P310: Lập tức gọi cho trung tâm giải độc hoặc bác sĩ/ thầy thuốc.  
P312: Gọi cho trung tâm giải độc hoặc bác sĩ/ thầy thuốc nếu cảm thấy không ổn.  
P314: Nhận lời khuyên/ theo dõi y tế nếu cảm thấy không khỏe.  
P322: Điều trị đặc biệt (xem.. Trên nhãn này).

P363: Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.  
P302+P352: NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa với nhiều xà phòng và nước.  
P304+P341: Nếu kích ứng da xảy ra: Nhận lời khuyên y tế/ theo dõi.  
P333+P313: Nếu xảy ra kích ứng da hoặc phát ban: Nhận điều trị y tế/ theo dõi.  
P303+P361+P353: NẾU DÍNH VÀO DA (HAY TÓC): Thay quần áo đã bị nhiễm bẩn. Tắm rửa sạch.  
P301+P330+P331: NẾU NUỐT PHẢI: Súc miệng. Not give up.  
P342+P311: Nếu có triệu chứng về hô hấp. Gọi cho trung tâm giải độc/ hoặc bác sĩ thầy thuốc.  
P305+P351+P338: NẾU DÍNH VÀO MẮT: Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo bỏ kính áp tròng nếu có và dễ làm. Tiếp tục rửa.

#### Bảo quản

P405: Bảo quản đóng kín.

#### Xử lý

P501: Xử lý trong hệ thống xử lý hợp pháp hoặc qua công ty xử lý chất thải.

#### NGUY HIỂM KHÁC

#### Chỉ số NFPA

Sản phẩm paraffinic nhẹ đã xử lý hydro : Sức khỏe cộng đồng : 1, Cháy : 1, Phản ứng : 0

Nước : Sức khỏe cộng đồng : 0, Cháy : 0, Phản ứng : 0

Triethanolamine : Sức khỏe cộng đồng : 2, Cháy : 1, Phản ứng : 1

Alkanol amine : Sức khỏe cộng đồng : 2, Cháy : 2, Phản ứng : 0

Distilled tall oil : Sức khỏe cộng đồng : 1, Cháy : 1, Phản ứng : 0

Boric acid : Sức khỏe cộng đồng : 2, Cháy : 0, Phản ứng : 0

Fatty acid ester : Sức khỏe cộng đồng : 1, Cháy : 1, Phản ứng : 0

Bảo mật : Sức khỏe cộng đồng : 1, Cháy : 1, Phản ứng : 0

### 3. THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

| Nhận danh hóa chất                       | Đồng danh                           | Số CAS     | Nồng độ (%) |
|------------------------------------------|-------------------------------------|------------|-------------|
| Nước                                     | Dihydrogen oxide                    | 7732-18-5  | 15 - 25     |
| Alkanol amine                            | Alkanol amine                       | Bảo mật    | 5 - 15      |
| Triethanolamine                          | Trolamine                           | 102-71-6   | 1 - 10      |
| Fatty acid                               | Fatty acid                          | Bảo mật    | 1 - 5       |
| Boric acid                               | Boric acid                          | 10043-35-3 | 1 - 5       |
| Distilled tall oil                       | Tall oil                            | 8002-26-4  | 1 - 5       |
| Fatty acid ester                         | Fatty acid ester                    | Bảo mật    | 1 - 5       |
| Hydrotreated light paraffinic distillate | Mineral oil                         | 64742-55-8 | 45 - 55     |
| Polyethylene glycol monoalkyl ether      | Polyethylene glycol monoalkyl ether | 9043-30-5  | 1 - 5       |
| Bảo mật                                  | Bảo mật                             | Bảo mật    | 1 - 5       |

### 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

#### MÔ TẢ CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

##### Dính vào mắt

Rửa bằng dung dịch rửa mắt hoặc nước, giữ phần mí mắt và rửa ít nhất trong 15 phút.

Chăm sóc y tế ngay lập tức.

Nếu mắt bị đỏ và sưng huyết liên tục, nhận điều trị y tế.

##### Dính vào da

Rửa với xà phòng và nước khoảng 15 phút.

Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi mặc lại.

Nếu kích ứng vẫn liên tục duy trì trên da, nhận điều trị y tế.

##### Hít phải

Ra ngoài không khí trong lành. Nếu không phục hồi, nhận trợ giúp y tế.

##### Nuốt phải

Trong trường hợp bị kích ứng, đi khám bác sĩ.

Không cho người bất tỉnh ăn bất kì thứ gì.

Ngay lập tức, nhận điều trị y tế.

## Lời khuyên từ bác sĩ

NEU DÍNH TRÊN DA: Rửa với nhiều xà phòng và nước.

---

## 5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

---

### PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY

#### Phương tiện chữa cháy phù hợp

Hóa chất khô, cacbon dioxit, nước, bọt chữa cháy.

#### Phương tiện chữa cháy không phù hợp

Không có dữ liệu

#### Chất nguy hiểm sinh ra trong quá trình cháy

Chất độc sinh ra

Khói lửa, hơi khói, các sản phẩm cháy không hoàn toàn, các oxit của cacbon, NOx, SOx.

#### Công cụ chữa cháy

Người cứu hộ mang thiết bị bảo hộ thích hợp.

Sơ tán khu vực.

Các nhân viên cứu hỏa nên sử dụng thiết bị bảo hộ tiêu chuẩn và trong không gian khép kín, sử dụng thiết bị thở kín (SCBA).

Tắt tất cả các nguồn nhiên liệu nếu có thể, và sử dụng nước để làm nguội các vật liệu tiếp xúc với lửa.

Xịt nước làm nguội các bề mặt tiếp xúc với lửa và để bảo vệ nhân viên.

Sử dụng nước để làm nguội các bồn, thùng chứa và các bộ phận tiếp xúc với lửa.

Tránh hít phải các chất nguy hiểm sinh ra trong quá trình cháy và tránh tiếp xúc với da.

Đeo mặt nạ khí hoặc mặt nạ chống khí độc trong phòng kín hoặc nếu cần thiết.

Sử dụng bọt nếu tiếp xúc với nhiệt và lửa.

**Điểm chớp cháy [Phương pháp] :** > 100 oC

**Trên/ dưới giới hạn cháy (Thể tích % trong không khí) :** Không có dữ liệu

**Nhiệt độ tự bốc cháy:** Không có dữ liệu

---

## 6. CÁC BIỆN PHÁP THOÁT KHỎI TAI NẠN

---

### BIỆN PHÁP BẢO VỆ CÁ NHÂN

Tránh tiếp xúc với các chất bị đổ ra.

Không đi tới hay đứng tới chất bị tràn ra.

Không hít phải bụi/ khói/ khí gas/ sương/ hơi/ phun của dầu.

Tránh xa các nguồn bắt cháy.

Nếu không nguy hiểm. Ngăn chặn sự rò rỉ.

Chú ý các chất và điều kiện cần tránh.

Thay quần áo đã bị nhiễm bẩn.

Đeo mặt nạ không khí hay thông khí phòng kín.

Tắt các nguồn tiếp xúc hoặc loại bỏ các nguồn phát lửa.

### BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Chống ô nhiễm nước.

Không phơi chất ra ngoài môi trường tự nhiên.

Nếu khu vực đã bị ô nhiễm, loại bỏ chất bằng các chất hấp thụ.

### BIỆN PHÁP LÀM SẠCH

Sử dụng cát hoặc vật liệu hấp phụ chống cháy.

Thu lại các chất bị đổ ra vào thùng chứa thích hợp để loại bỏ chúng.

---

## 7. XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

---

### CHÚ Ý TRONG XỬ LÝ AN TOÀN

Tránh tiếp xúc với da, mắt, tránh hít phải hơi.

Ngăn sự cố tràn nhỏ và rò rỉ để tránh trơn trượt nguy hiểm.

Không ăn hay hít phải chất. Rửa sạch tay và mặt sau khi xử lý.

Không làm nóng hay làm đầy áp thùng chứa rỗng.

Xử lý chất theo các quy tắc và quy định hiện hành.

**Nhiệt độ tải hàng/ dỡ hàng:** Nhiệt độ môi trường xung quanh.

**Nhiệt độ vận chuyển:** Nhiệt độ môi trường xung quanh.

**Áp suất khi vận chuyển:** Áp suất môi trường xung quanh.

#### **ĐIỀU KIỆN ĐỂ LƯU TRỮ AN TOÀN**

Đóng kín thùng chứa.

Xử lý thùng chứa cẩn thận. Mở từ từ để điều chỉnh áp suất ra ngoài.

Lưu trữ trong khu vực thông thoáng.

Lưu trữ chất theo các quy tắc và quy định hiện hành.

**Nhiệt độ bảo quản:** Nhiệt độ môi trường xung quanh.

**Áp suất bảo quản:** Áp suất môi trường xung quanh.

---

### **8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC / BẢO VỆ CÁ NHÂN**

---

#### **GIỚI HẠN TIẾP XÚC NGHỀ NGHIỆP**

Dầu gia công kim loại : TWA : 0.8 mg/m<sup>3</sup>.

#### **KIỂM SOÁT KỸ THUẬT**

Lắp đặt hệ thống thông khí thải cục bộ.

Kiểm tra nếu tiếp xúc phù hợp với các tiêu chuẩn tiếp xúc.

#### **BẢO VỆ CÁ NHÂN**

##### **Bảo vệ hô hấp**

Nên đeo mặt nạ hô hấp nếu thường xuyên sử dụng với chất lỏng này hoặc tiếp xúc quá mức.

Mặt nạ sẽ được cơ quan An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp Hàn Quốc chứng nhận.

##### **Bảo vệ mắt**

Đeo mắt kính chống hóa chất để bảo vệ mắt khỏi chất phân tán hoặc chất lỏng có hại.

Lắp đặt hệ thống rửa mắt gần khu vực làm việc.

##### **Bảo vệ tay**

Mang găng tay chống hóa chất.

##### **Bảo vệ cơ thể**

Mặc đồ bảo hộ chống hóa chất.

---

### **9. THÔNG TIN LÝ HÓA**

---

|                             |                    |
|-----------------------------|--------------------|
| Hình thức tự nhiên          | Chất lỏng màu vàng |
| Mùi                         | Mùi đặc trưng      |
| pH (10% aq. Solution, 20°C) | 9.8                |
| Điểm nóng chảy              | < -5 °C            |
| Nhiệt độ sôi                | Không có dữ liệu   |
| Điểm chớp cháy              | Không thể đo được  |
| Sự oxi hóa                  | Ổn định            |
| Tính dễ cháy                | Không có dữ liệu   |
| Sự cháy nổ                  | Ổn định            |
| Áp suất hơi                 | Không có dữ liệu   |
| Độ hòa tan trong nước       | Tan trong nước     |
| Mật độ hơi                  | Không có dữ liệu   |
| Tỷ trọng                    | 0.97 (15/4 °C)     |
| Hệ số phân bố               | Không có dữ liệu   |
| Nhiệt độ tự bốc cháy        | Không có dữ liệu   |
| Nhiệt độ phân hủy           | Không có dữ liệu   |
| Độ nhớt                     | Không có dữ liệu   |
| Khối lượng phân tử          | Không có dữ liệu   |

---

### **10. ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ HOẠT TÍNH**

---

#### **Độ ổn định**

Ổn định ở điều kiện nhiệt độ và áp suất thường, sử dụng ở điều kiện thường.

**Khả năng tạo ra các chất nguy hiểm trong quá trình cháy**

Không xảy ra.

#### **Điều kiện và chất cần tránh**

Tất cả các nguồn gây cháy và quá nhiệt, và vật liệu cấm tiếp xúc (chất oxy hóa mạnh).

#### **Chất tạo ra trong quá trình phân hủy**

Các sản phẩm phân hủy nhiệt bao gồm các hợp chất Carbon độc hại (VD: CO, ..).

Khói độc, các khí gây kích ứng hoặc ăn mòn có thể sinh ra trong quá trình phân hủy nhiệt.

---

### **11. THÔNG TIN CHẤT ĐỘC**

---

#### **NGUY CƠ KHẨN CẤP VÀ MỐI NGUY HẠI**

##### **Hít phải**

Hít hơi có thể gây kích ứng đường hô hấp và ho, khó thở, buồn ngủ, chóng mặt, đau đầu và buồn nôn, tất nghẽn phổi, viêm phế quản.

##### **Đánh vào mắt**

Có thể gây kích ứng mạnh, gây thương tổn.

##### **Đánh vào da**

Có thể gây kích ứng hoặc phản ứng dị ứng da. Tiếp xúc nhiều lần có thể gây ra các vấn đề về da.

##### **Nuốt phải**

Nuốt phải có thể gây kích ứng, nôn mửa, tiêu chảy, đau dạ dày, gan và thận.

#### **THÔNG TIN ĐỘC TÍNH**

##### **Độc tính đường miệng cấp tính**

LD50 > 5832 mg/kg Chuột

##### **Độc tính da cấp tính**

LD50 > 1789 mg/kg Chuột

##### **Độc tính cấp tính khi hít phải**

LC50 > 2.18 mg/l 4 giờ Chuột

##### **Kích ứng da**

Có thể gây kích ứng nhẹ (trong vài trường hợp gây kích ứng mạnh làm tổn hại da).

##### **Kích ứng mắt**

Có thể gây kích ứng nhẹ (trong vài trường hợp gây kích ứng mạnh làm tổn hại mắt).

##### **Mẫn cảm với hô hấp**

Có thể gây nhạy cảm về hô hấp

##### **Mẫn cảm với da**

Chú ý với người bị dị ứng viêm da.

##### **Độc tính cấp tính**

Không có dữ liệu

##### **Độc tính liều lặp lại**

Không có dữ liệu

##### **Biến đổi gen**

Không áp dụng

##### **Ảnh hưởng tới thế hệ sau**

Có thể ảnh hưởng đến khả năng sinh sản và thai nhi.

##### **Tính gây ung thư**

Không có dữ liệu

**Độc tính cơ quan đích cụ thể (tiếp xúc):** Có thể gây kích ứng hô hấp.

**Độc tính cơ quan đích cụ thể (tiếp xúc):** Có thể tổn hại đến gan và thận. Có thể gây tắc nghẽn phổi, viêm phế quản, viêm phổi.

##### **Lời khuyên bổ sung**

Không có dữ liệu

---

### **12. THÔNG TIN SINH THÁI**

---

#### **ĐỘC TÍNH THỦY SINH VÀ ĐỘC TÍNH SINH THÁI**

Không có dữ liệu

##### **Độc tính thủy sinh mãn tính**

Không có dữ liệu

##### **LAN TRÊN ĐẤT**

Không có dữ liệu

##### **ĐỘ BỀN/ KHẢ NĂNG PHÂN HỦY**

Không có dữ liệu

**KHẢ NĂNG PHÂN HỦY SINH HỌC:** Không có dữ liệu

---

### **13. XEM XÉT XỬ LÝ**

---

#### **QUY ĐỊNH CỦA VIỆC QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

Lượng dầu trên 5% được phân loại theo chất thải quy định.

#### **PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI**

Xử lý theo hệ thống tự xử lý hợp pháp hay thông qua công ty xử lý chất thải.

Quản lý theo các cơ sở xử lý chất thải thích hợp.

**CHÚ Ý KHI XỬ LÝ**

Tuân theo các tiêu chuẩn cụ thể của Luật quản lý chất thải.

**CẢNH BÁO THÙNG CHỨA RỖNG**

Các thùng chứa rỗng có thể chứa chất dư thừa và có thể nguy hiểm.

Không cố làm đầy hay làm sạch các thùng chứa khi không có các hướng dẫn thích hợp.

Các thùng phi trống nên trút hết chất và lưu trữ an toàn cho tới khi sửa chữa lại hay xử lý.

Các thùng phi trống nên đưa vào tái chế, phục hồi, hay xử lý thông qua nhà thầu có chất lượng phù hợp hay đã có giấy phép và theo các quy định của nhà nước.

---

**14. THÔNG TIN VẬN CHUYỂN**

---

SỐ UN : 3082

Tên cơ sở vận chuyển : Không có dữ liệu

Loại vận chuyển nguy hiểm: 9

Nhóm đóng gói: III

SỐ EMS: F-A, S-F

---

**15. THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH**

---

**Luật quản lý chất độc hại** Không áp dụng

**Luật quản lý an toàn khí áp cao** Không áp dụng

**Luật quản lý an toàn hàng nguy hiểm**

Loại dầu thứ 3 thuộc nhóm chất nguy hiểm thứ 4 ở Hàn Quốc (Dầu pha nước).

**Quy định theo luật nước ngoài**

OSHA : Không áp dụng

CERCLA 103 : Không áp dụng

EPCRA 302 : Không áp dụng

EPCRA 304 : Không áp dụng

EPCRA 313 : Không áp dụng

---

**16. THÔNG TIN KHÁC**

---

**Nguồn**

Các dữ liệu nguyên vật liệu của các phòng thí nghiệm của chúng tôi, Cơ quan Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp

Hàn Quốc và nhà cung cấp nguyên vật liệu thô.

**Viết ngày** 13/01/2017

**Số lần sửa đổi. Sửa đổi lần cuối ngày** Rev. 5 01/06/2019

**Tài liệu tham khảo khác**

Các thông tin và khuyến nghị ở đây là kiến thức tốt nhất và niềm tin của chúng tôi, chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày ban hành. Các thông tin và khuyến nghị được cung cấp cho người sử dụng xem xét, kiểm tra.

Đó là trách nhiệm của người sử dụng để đáp ứng rằng sản phẩm là phù hợp cho mục đích sử dụng.

Nếu người mua đóng gói lại sản phẩm này, trách nhiệm của người mua là đảm bảo sức khỏe, an toàn và các thông tin cần thiết khác đính kèm trên thùng chứa. Các thủ tục xử lý an toàn và cảnh báo phù hợp nên được cung cấp cho người xử lý và người sử dụng. Nghiêm cấm việc thay đổi tài liệu này. Trừ trường hợp pháp luật yêu cầu, không được phép công bố lại hoặc truyền lại toàn bộ hay một phần tài liệu này.

Nếu bạn mua sản phẩm để cung cấp cho bên thứ ba để sử dụng ở nơi làm việc, trách nhiệm của bạn là nắm rõ các bước cần thiết để đảm bảo rằng bất cứ ai xử lý hoặc sử dụng sản phẩm được cung cấp đầy đủ thông tin trong bảng này. Nếu bạn là chủ, trách nhiệm của bạn là nói cho nhân viên và những người khác có thể bị ảnh hưởng bởi bất kỳ nguy hiểm đã được mô tả trong bảng này và sự phòng ngừa nên được nắm rõ.